

Bản án số: 79/2024/DS-ST

Ngày: 30-9-2024

V/v Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản

## NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN ĐỀ, TỈNH SÓC TRĂNG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Thạch Thị Sa The.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Trần Huy Tùng.

Ông Trần Hoàng Việt.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Trần Khánh Huy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:* Ông Lý Út Hoài – Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 167/2024/TLST-DS ngày 25 tháng 7 năm 2024 về “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 100/2024/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

\* *Nguyên đơn:* Ông Hồ Văn T; Sinh năm 1975; Nơi cư trú: Số A, đường Đ, phường A, thành phố A, tỉnh Sóc Trăng.

*Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Trần Quốc D; Sinh năm 1955; Nơi cư trú: Số 92, đường A, phường S, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

\* *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn B; Sinh năm 1972; Nơi cư trú: Ấp C, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

(Ông Trần Quốc D và ông Nguyễn Văn B có mặt tại phiên tòa).

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 04/5/2024 (bút lục 01), trong quá trình giải quyết vụ án (bút lục 23 và 24) và tại phiên tòa sơ thẩm người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Trần Quốc D trình bày:

Nguyên trước đây ông Hồ Văn T làm việc trên địa bàn huyện Trần Đề, nên có quen biết với ông Nguyễn Văn B, nên vào ngày 01/4/2021 ông B có vay của ông T số tiền vốn 100.000.000 đồng, hai bên có lập tờ Biên nhận nợ đề ngày 01/4/2021, ngoài ra hai bên còn thỏa thuận bằng lời nói về lãi và mức lãi suất 3%, đóng lãi hàng tháng, thỏa thuận thời hạn trả vốn vào tháng 6/2023. Sau khi thỏa thuận thì phía ông T đã giao tiền cho ông B 100.000.000 đồng như thỏa thuận, còn ông T lưu giữ Biên nhận nợ. Sau khi vay ông B đã thực hiện việc đóng lãi hàng tháng, nhưng đến tháng 01/2023 thì không đóng lãi cho ông T như đã thỏa thuận, mặc dù ông T đã liên hệ nhiều lần nhưng ông B cứ hứa hẹn, không thực hiện, vì chỗ quen biết nên ông T để thời gian cho ông B trả nợ, nhưng hiện nay nhận thấy ông B không có thiện chí nên ông T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông B trả cho ông T số tiền vốn gốc là 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) và tiền lãi phát sinh cho đến khi xét xử. Tiền lãi tạm tính từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/9/2024 là 20 tháng 29 ngày:  $100.000.000 \text{ đồng} \times 1,66\%/\text{tháng} \times 20 \text{ tháng} 29 \text{ ngày} = 34.804.667 \text{ đồng}$ . Tổng vốn và lãi tạm tính đến ngày hôm nay là 134.804.667 đồng (Một trăm ba mươi bốn triệu, tám trăm lẻ bốn nghìn, sáu trăm sáu mươi bảy đồng).

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn giao nộp bao gồm: Căn cước công dân của Hồ Văn T (Bản sao có chứng thực); Căn cước công dân của Trần Quốc D (Bản sao có đối chiếu); Biên nhận ngày 01/4/2021; Đơn yêu cầu hỗ trợ gửi bản sao tài liệu, chứng cứ cho bị đơn.

*\* Theo Biên bản lấy lời khai (Bút lục từ 25 đến 27), trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn ông Nguyễn Văn B trình bày:*

Ông Nguyễn Văn B xác định ông B có mối quan hệ quen biết với ông Hồ Văn T, nên ngày 01/4/2024, ông có nhận từ ông T số tiền 100.000.000 đồng, khi nhận ông có viết biên nhận đề ngày 01/4/2021. Tuy nhiên, ông B xác định số tiền nêu trên không phải là ông B vay của ông T mà là do ông T nhờ ông B tìm người có nhu cầu vay vốn để cho vay dùm. Sau khi nhận tiền từ ông T thì ông B cho một số người dân trong xóm vay với lãi suất 5%/tháng, tiền lãi thu được, ông B đưa trực tiếp cho ông T, ông B không hưởng bất cứ khoản tiền chênh lệch nào. Tuy nhiên, hiện nay do làm ăn khó khăn, nên những người vay vốn không có khả năng trả lãi cũng như trả vốn, dẫn đến việc ông B không có tiền lãi đưa cho ông T.

Nay ông T khởi kiện yêu cầu ông B trả số tiền 100.000.000 đồng và tiền lãi 1,66% từ ngày 01/01/2023 thì ông đồng ý. Nhưng ông B đang gặp khó khăn về kinh tế, nên ông B yêu cầu được trả nhiều lần.

Ngoài ý kiến trình bày như trên, ông B không giao nộp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án; không có yêu cầu gì khác, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

*Kiểm sát viên tham gia phiên tòa nêu quan điểm:* Qua thực hiện chức năng kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký phiên tòa cũng như Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, chứng cứ được thu thập đầy đủ đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho các đương sự. Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật; Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Hội đồng xét xử đã xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp là “Hợp đồng vay tài sản”. Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn B có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn T số tiền vốn vay là 100.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 01/01/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm; đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử quyết định về nghĩa vụ chịu án phí đối với đương sự theo quy định của pháp luật.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Xét về quan hệ pháp luật và quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tiền nên quan hệ pháp luật của vụ án là Hợp đồng vay tài sản được quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015; quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp về giao dịch dân sự, hợp đồng dân sự” được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[1.2] Xét về thẩm quyền giải quyết vụ án: Do “Tranh chấp về giao dịch dân sự, hợp đồng dân sự” và bị đơn cư trú tại ấp Chợ, xã T, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trần Đề theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung giải quyết:

[2.1] *Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về buộc bị đơn trả số tiền vốn vay:* Nguyên đơn cho rằng, vào ngày 01/4/2021 nguyên đơn cho bị đơn vay số tiền 100.000.000 đồng, có lập biên nhận tiền, có thỏa thuận về việc trả tiền lãi. Bị đơn thừa nhận vào ngày 01/4/2021 có nhận của nguyên đơn số tiền 100.000.000 đồng, có lập biên nhận tiền, có thỏa thuận về việc trả tiền lãi. Do đó, căn cứ khoản

2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định lời khai trên của các đương sự là sự thật, không phải chứng minh.

Tuy nhiên, ông B cho rằng số tiền nêu trên không phải là ông B vay của ông T mà là do ông T nhờ ông B tìm người có nhu cầu vay vốn để cho vay. Xét thấy, lời khai này của ông B là không có cơ sở. Vì lời trình bày này của ông B không được ông T thừa nhận, đồng thời ông B cũng không đưa ra được chứng cứ chứng minh đó là sự thật. Mặt khác, về tính chất, nội dung và hình thức của giao dịch nói trên giữa ông T và ông B đã thỏa mãn các yếu tố cấu thành của hợp đồng vay tài sản được quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự “*Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định*”. Đồng thời, giao dịch của các đương sự đảm bảo điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự được quy định tại Điều 117 Bộ luật Dân sự nên buộc các bên phải thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của hợp đồng vay tài sản. Do đó, ông B phải có nghĩa vụ trả nợ cho ông T theo quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự.

Ông B chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T về việc trả số tiền vay 100.000.000 đồng và tiền lãi 1,66% từ ngày 01/01/2023 nên ghi nhận sự tự nguyện của ông B về việc đồng ý trả cho ông T số tiền vay gốc là 100.000.000 đồng và tiền lãi 1,66% từ ngày 01/01/2023 và tiền lãi phát sinh cho đến khi xét xử (ngày 30/9/2024) là 20 tháng 29 ngày: 100.000.000 đồng X 1,66%/tháng X 20 tháng 29 ngày = 34.804.667 đồng. Tổng vốn và lãi tạm tính đến ngày hôm nay là 134.804.667 đồng (Một trăm ba mươi bốn triệu, tám trăm lẻ bốn nghìn, sáu trăm sáu mươi bảy đồng).

[2.2] Xét ý kiến của bị đơn đối với việc xin trả nhiều lần đến khi dứt nợ. Ý kiến này của bị đơn không được nguyên đơn đồng ý nên không có căn cứ chấp nhận ý kiến của bị đơn.

[3] Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề tại phiên tòa là có căn cứ pháp lý và cơ sở thực tiễn như đã nhận định ở trên, nên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu tiền án phí. Nguyên đơn được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.700.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004335, ngày 24/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự

huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng. Buộc bị đơn phải chịu toàn bộ án phí có giá ngạch tương ứng với nghĩa vụ thanh toán quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 và khoản 2 Điều 143, khoản 1 Điều 144, khoản 1 Điều 147, Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các 357, 463, 466 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hồ Văn T đối với bị đơn ông Nguyễn Văn B về tranh chấp Hợp đồng vay tài sản.

Buộc ông Nguyễn Văn B có nghĩa vụ trả cho ông Hồ Văn T tổng số là 134.804.667 đồng (Một trăm ba mươi bốn triệu, tám trăm lẻ bốn nghìn, sáu trăm sáu mươi bảy đồng).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 6.740.233 đồng. Ông Hồ Văn T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.700.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004335, ngày 24/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

3. Quyền kháng cáo bản án: Các đương sự có quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án

dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

***Nơi nhận:***

- Các bên đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng (P. KTNV &THA);
- VKSND huyện Trần Đề;
- Chi cục THADS huyện Trần Đề;
- Lưu (HSVA & TA).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**THẠCH THỊ SA THE**